

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/DS-ST**
Ngày 17-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tạ Hồng Hà.

Bà Phan Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2020/TLST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1939.

Nơi cư trú: Thôn P, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1978.

Nơi cư trú: Thôn N, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Võ Thị P, sinh năm 1948 (vợ ông D).

Nơi cư trú: Thôn P, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2/ Bà Huỳnh Thị Xuân T, sinh năm 1982 (vợ ông T).

Nơi cư trú: Thôn N, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn: Cách đây khoảng 5-6 năm, ông D có hợp đồng nhận thi công xây dựng nhà cho ông Lê Văn T tại

thôn N, xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên, kết cấu nhà đúc, 1 tầng 2 gian, tổng tiền thi công là 80.687.000 đồng. Trong lúc xây dựng ông T trả 55.000.000 đồng, sau xây xong thì vợ ông T trả tiếp được 7.000.000 đồng. Ngoài ra, bà P vợ ông D có nhận 6000.000 đồng do bà T trả. Số tiền còn lại, ông D nhiều lần đòi nhưng không được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền còn lại là 12.687.000 đồng.

Vợ chồng ông Lê Văn T thống nhất trình bày: Vợ chồng thừa nhận hai bên có hợp đồng xây nhà như ông D trình bày, nhưng việc xây nhà đã hoàn thành từ năm 2012. Sau khi xây xong hai bên quyết toán tổng tiền công như ông D trình bày nhưng từ đó đến nay đã trả hết nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Võ Thị P trình bày thừa nhận có nhận số tiền 6.000.000 đồng do vợ ông T trả, ngoài ra không nhận số tiền nào khác.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả tổng số tiền 68.000.000 đồng còn lại chưa trả nên giữ nguyên ý kiến, yêu cầu. Đối với ý kiến của bà T cho rằng đã trả hết thì ông D không đồng ý vì thực tế còn nợ vẫn chưa trả, nếu đã trả thì phải có bằng chứng rõ ràng.

- Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày ý kiến giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

- Bà Huỳnh Thị Xuân T trình bày thừa nhận ngôi nhà mà ông D nhận hợp đồng thi công là nhà chung của vợ chồng, khoảng nợ xây nhà cũng là nợ chung nên sẽ cùng có trách nhiệm trả. Tuy nhiên việc đã trả xong nên không đồng ý. Việc trả nợ không có viết giấy tờ gì vì hai bên gia đình là thông gia nên tin tưởng nhau. Ngoài số tiền đã trả khi đang xây nhà thì số tiền còn lại do bà T trực tiếp trả, có lúc trả cho ông D có lúc trả cho bà P vợ ông D. Thời gian trả cụ thể như thế nào thì không nhớ vì thời gian đã trôi qua lâu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Xuân D nộp đơn khởi kiện ngày 13/3/2020, tranh chấp hợp đồng dịch vụ với bị đơn có nơi cư trú tại xã H 1, huyện T, tỉnh Phú Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa tỉnh Phú Yên có thẩm

quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm đối với vụ án. Tại phiên tòa, bị đơn – ông Lê Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà P vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét thấy: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên có thỏa thuận ký kết hợp đồng dịch vụ thi công xây dựng nhà ở. Bên yêu cầu dịch vụ là vợ chồng ông Lê Văn T do ông T đại diện giao kết, bên nhận thi công dịch vụ là ông Nguyễn Xuân D, đối tượng là nhà ở của vợ chồng ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân T, tổng tiền thi công là 80.687.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T trả số tiền nợ còn lại là 12.687.000 đồng. Bị đơn cho rằng đã trả hết nợ nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Nguyên đơn chỉ khởi kiện ông T vì cho rằng ông T là người trực tiếp giao kết hợp đồng. Tuy nhiên, đối tượng của hợp đồng là nhà ở - tài sản chung của vợ chồng ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân T nên nghĩa vụ trả nợ trong vụ án cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân T phải cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải trả theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 275, 280, 468, 519 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Lê Văn T, bà Huỳnh Thị Xuân T phải có trách nhiệm trả cho ông Lê Xuân D số tiền 12.687.000 (mười hai triệu sáu trăm tám mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, mục A danh mục án phí lệ phí Tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Vợ chồng ông Lê Văn T phải chịu 634.350 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tây Hòa;
- Chi cục THADS huyện Tây Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thành Vinh